

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13/7/2021

V/v Xin ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đạt.

2. Ông Trương Công Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021 về việc: “Xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Kim T** – sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Hòa Giang, xã Hòa Điền, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Ông Lý Tòng Q** – sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Hòa Giang, xã Hòa Điền, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà T và ông Lý Tòng Q kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng ý kiến dẫn đến Nhiều mâu thuẫn do ông Q không có trách Nhiệm với gia đình. Cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông Q không hạnh phúc, nên bà T yêu cầu xin được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Có 02 người con tên Lý Thị Huỳnh N – sinh ngày 23/10/2006 và Lý Thị Yến Nh – sinh ngày 28/4/2009. Bà T xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nh, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Bà T đồng ý giao cháu N cho ông Q nuôi dưỡng và xin không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Tại bản tự khai ông Lý Tông Q trình bày:*

Về hôn nhân như bà T trình bày là đúng, ông Q và bà Nguyễn Thị Kim T chung sống không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh Nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Nay bà T ly hôn thì ông Q cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 người con chung như bà T trình bày là đúng. Ông Q thống nhất giao cháu Nh cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, xin không cấp dưỡng. Ông Q đồng ý nuôi cháu N đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Ý kiến của cháu Lý Thị Huỳnh N:* Cháu N có nguyện vọng được sống với cha là ông Lý Tông Q.

- *Ý kiến của cháu Lý Thị Yến Nh:* Cháu Nh có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Nguyễn Thị Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về việc "Ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đối với quan hệ hôn nhân của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét, giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Đối với ông Lý Tông Q vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lý Tông Q chung sống với nhau nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mặt khác, cả bà T và ông Q đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa bà T và ông Q đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 9 quy định: “1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý; 2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn”. Bà T và ông Q là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 14 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên

được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này...”. Bà T có yêu cầu xin ly hôn nhưng hôn nhân giữa bà T và ông Q không có đăng ký kết hôn, nên xét không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông Q theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 53 quy định: “1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; 2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

[4] Về con chung: Bà T và ông Q thống nhất giao cháu Lý Thị Yến Nh cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Lý Thị Huỳnh N cho ông Q nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Việc thỏa thuận của ông, bà là phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu N và Nh nên ghi nhận. Ghi nhận việc bà T và ông Q đều không yêu cầu các bên cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Do bà Nguyễn Thị Kim T có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì caùc leõ treân,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 144, 146, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 14, 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lý Tòng Q.
- Về con chung: Giao cháu Lý Thị Huỳnh N cho ông Q nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Lý Thị Yến Nh cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Cả bà T và ông Q đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0000407 ngày 19/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nên bà T không phải nộp thêm.
- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Lý Tòng Q được quyền kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Những người TGT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Pho